

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho công tác bảo vệ, phát triển rừng theo Quyết định số 1910/QĐ-TTg ngày 24/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn các xã Mường Lát, Quang Chiêu, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Tam Chung và Trung Lý, Quý I năm 2026 (đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1910/QĐ-TTg ngày 24/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho tỉnh Thanh Hóa để thực hiện công tác bảo vệ, phát triển rừng;

Căn cứ Công văn số 15316/BTC-TCĐT ngày 14/12/2020 của Bộ Tài chính về việc xuất cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho tỉnh Thanh Hóa để thực hiện công tác bảo vệ, phát triển rừng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1734/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 phê duyệt Đề án hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số, hộ người kinh nghèo tự nguyện trồng, chăm sóc rừng trồng và hộ nghèo nhận khoán bảo vệ rừng trong thời gian chưa đảm bảo được lương thực trên địa bàn huyện Mường Lát, giai đoạn 2020-2026; số 5402/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để thực hiện công tác bảo vệ, phát triển rừng huyện Mường Lát giai đoạn 2020-2026; số 1805/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 5402/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án hỗ trợ gạo từ nguồn dự trữ quốc gia để thực hiện công tác bảo vệ, phát triển rừng huyện Mường Lát giai đoạn 2020-2026;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-CDT ngày 30/3/2026 và Công văn số 583/CDT-TCQLH ngày 30/3/2026 của Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia cho tỉnh Thanh Hóa để thực hiện công tác bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn các xã Quang Chiêu, Mường Lát, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Tam Chung và Trung Lý, Quý I năm 2026 (đợt 1);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 500/TTr-SNNMT ngày 08/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia cho công tác bảo vệ, phát triển rừng theo Quyết định số 1910/QĐ-TTg ngày 24/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn các xã Mường Lát, Quang Chiêu, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Tam Chung và Trung Lý, Quý I năm 2026 (đợt 1) với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, đối tượng và nguyên tắc hỗ trợ: Theo Quyết định số 5402/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 và Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Số hộ, số khẩu, diện tích và số lượng gạo được hỗ trợ:

Tổng số gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ công tác bảo vệ, phát triển rừng, quý I năm 2026 trên địa bàn các xã Mường Lát, Quang Chiêu, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Tam Chung, Trung Lý là 112.800 kg, cụ thể:

- Xã Quang Chiêu: 15.870 kg.
- Xã Mường Lát: 12.105 kg.
- Xã Mường Lý: 32.040 kg.
- Xã Nhi Sơn: 450 kg.
- Xã Pù Nhi: 15.030 kg.
- Xã Tam Chung: 23.715 kg.
- Xã Trung Lý: 13.590 kg.

(Chi tiết theo Phụ biểu gửi kèm).

3. Chất lượng gạo: Theo tiêu chuẩn dự trữ quốc gia.

4. Nguồn gạo hỗ trợ: Quyết định số 140/QĐ-CDT ngày 30/3/2026 của Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia cho tỉnh Thanh Hóa để thực hiện công tác bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn các xã Quang Chiêu, Mường Lát, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Tam Chung và Trung Lý, Quý I năm 2026 (đợt 1).

5. Thời gian hoàn thành giao, nhận gạo: Xong trước ngày 23/4/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VII có trách nhiệm vận chuyển, giao gạo hỗ trợ cho các đơn vị được thụ hưởng theo quy định tại Thông tư số 60/2025/TT- BTC ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia và nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ; theo đúng văn bản hướng dẫn của Cục Dự trữ Nhà nước và các quy định hiện hành; gạo đóng bao theo quy chuẩn dự trữ quốc gia, giao gạo tại trung tâm xã nơi có đối tượng được thụ hưởng.

2. Yêu cầu UBND các xã Mường Lát, Quang Chiêu, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Tam Chung, Trung Lý lập kế hoạch phân bổ tiếp nhận gạo cụ thể và phối hợp với Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VII tiến hành giao nhận, cấp phát gạo kịp thời đến các đối tượng được thụ hưởng, đảm bảo đúng định mức, không trùng lặp với các chính sách khác của Nhà nước và đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành; báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả triển khai, thực hiện.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn UBND các xã Mường Lát, Quang Chiêu, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Tam Chung và Trung Lý tổ chức

giao nhận gạo đảm bảo đúng đối tượng và các quy định hiện hành của Nhà nước; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VII; Chủ tịch UBND các xã Mường Lát, Quang Châu, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Tam Chung, Trung Lý; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXXH03

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

Phụ biểu
Hỗ trợ gạo cho công tác bảo vệ và phát triển rừng
theo Quyết định số 1910/QĐ-TTg ngày 24/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Quý I năm 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đơn vị	Hỗ trợ hộ tham gia Bảo vệ rừng				Hỗ trợ hộ tham gia Trồng, chăm sóc rừng				Tổng			
		Số hộ nghèo (hộ)	Số khẩu thực tế hỗ trợ (khẩu)	Diện tích bảo vệ rừng (ha)	Số gạo hỗ trợ bảo vệ rừng (kg)	Số hộ (hộ)	Số khẩu thực tế hỗ trợ (khẩu)	Diện tích trồng, chăm sóc rừng (ha)	Số gạo hỗ trợ trồng, chăm sóc rừng (kg)	Tổng số hộ hỗ trợ (hộ)	Tổng số khẩu hỗ trợ thực tế quý I năm 2026 (khẩu)	Tổng Diện tích hỗ trợ (ha)	Tổng số gạo hỗ trợ (kg)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng	501	2.296	5.792,29	103.320	65	316	96,83	9.480	566	2.612	5.889,12	112.800
1	Xã Quang Chiểu	25	142	1.586,67	6.390	65	316	96,83	9.480	90	458	1.683,50	15.870
2	Xã Mường Lát	84	269	1.291,94	12.105					84	269	1.291,94	12.105
3	Xã Mường Lý	145	712	359,99	32.040					145	712	359,99	32.040
4	Xã Nhi Sơn	4	10	225,62	450					4	10	225,62	450
5	Xã Pù Nhi	83	334	427,07	15.030					83	334	427,07	15.030
6	Xã Tam Chung	101	527	1.083,41	23.715					101	527	1.083,41	23.715
7	Xã Trung Lý	59	302	817,59	13.590					59	302	817,59	13.590